

Số: 03/2024/QĐST-VLĐ

Long Xuyên, ngày 22 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**  
**V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**

**Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Hồng Thi.
- Thư ký phiên họp: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 03/2024/TLST-VLĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 05/2024/QĐST-VLĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1986. Địa chỉ: F, tổ C, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền ông Lý Hồng P, sinh năm 1965. Địa chỉ: A T, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M. Địa chỉ: Đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Công ty Cổ phần M. Địa chỉ: Đường số C, cụm C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

+ Bà Trần Mỹ T, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: Khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

Theo đơn yêu cầu và tại phiên họp ông Lý Hồng P người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Lệ H trình bày:

Năm 2007 bà có cho bà Trần Mỹ T mượn giấy chứng minh nhân dân để xin việc làm tại Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M do bà Trần Mỹ T không có giấy tờ tùy thân, sau 01 tháng thì bà Trần Mỹ T trả lại chứng minh nhân dân cho bà.

Năm 2008 bà làm việc tại Công ty TNHH M1, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mua bảo hiểm xã hội tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp sổ Bảo hiểm số 7908244789, cấp ngày 15/8/2008, đóng từ tháng 07/2008 đến tháng 03/2009 là 09 tháng.

Năm 2011, bà mua bảo hiểm xã hội tại huyện T, tỉnh Đồng Nai, được cấp sổ Bảo hiểm số: 7511186880, cấp ngày 29/3/2011, đến nay còn hiệu lực.

Năm 2023, bà yêu cầu Bảo hiểm Xã hội huyện T gộp 02 sổ Bảo hiểm của bà lại thành một, lúc này bà được thông báo là có thêm sổ bảo hiểm thứ 3 do Bảo hiểm xã hội tỉnh A cấp số 5007008798, đóng từ tháng 09/2007 – 07/2008 là 11 tháng, do bà Trần Mỹ T đóng thay, bà không biết. Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện T yêu cầu bà liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang để hủy sổ Bảo hiểm xã hội số 5007008798 thì mới đồng ý gộp 02 sổ bảo hiểm của bà nêu trên thành một, để bà rút tiền sau này. Lý do: Sổ Bảo hiểm xã hội số 5007008798 do Bảo hiểm xã hội tỉnh A cấp có thời gian đóng sau cùng tháng 7/2008 trùng với thời gian đóng lần đầu tháng 7/2008 của sổ Bảo hiểm xã hội số 7908244789 do Bảo hiểm xã hội Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 18/02/2024, bà có gửi Tờ tường trình đến Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang yêu cầu cấp mới hoặc hủy sổ Bảo hiểm xã hội số 5007008798 do Bảo hiểm xã hội tỉnh A cấp.

Ngày 26/02/2024, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh A ra Công Văn số 395/BHXXH-QLTST. Nội dung: hướng dẫn bà “liên hệ với Tòa án để được xem xét, giải quyết đúng thẩm quyền”, theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi có kết quả giải quyết thì cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh A mới tiếp nhận hồ sơ để giải quyết cho bà.

Theo bà được biết bà T chưa nhận được sổ Bảo hiểm xã hội số 5007008798 và số tiền đóng Bảo hiểm 11 tháng khoảng 3.300.000 đồng.

Nay, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Lệ H (do bà Trần Mỹ T ký) với Chi nhánh Công ty M – Xí nghiệp M.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần M trình bày tại Văn bản số 04/STC:* Việc bà Lê Thị Lệ H cho người khác mượn giấy tờ để ký hợp đồng lao động thì Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M cũng không xác định được. Công ty đã bàn giao sổ bảo hiểm cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, hiện tại Công ty không còn lưu giữ hồ sơ giấy tờ liên quan đến người lao động nghỉ việc.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M:* không còn hoạt động tại địa chỉ đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Mỹ T trình bày:* Bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà Lê Thị Lệ H để ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm xã hội như bà H trình bày, thống nhất với yêu cầu của bà H. Đồng ý yêu cầu của bà H về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà (dưới tên bà H) với Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M vô hiệu. Bà không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

*Công văn số 1226/BHXXH-TTKT, ngày 19/6/2024 Bảo hiểm xã hội A ý kiến:*

Về quá trình đóng BHXH, BHYT: Bà Lê Thị Lệ H, sinh ngày 20/10/1986, mã số BHXH 5007008798 (do BHXH tỉnh A cấp) được Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M đăng ký tham gia và hoàn thành đóng tiền BHXH, BHYT từ tháng 9/2007 đến tháng 7/2008.

Về việc hưởng BHXH: Bà Lê Thị Lệ H, số BHXH 5007008798, chưa giải quyết hưởng các chế độ BHXH. Ngoài ra, qua rà soát dữ liệu quản lý trong cả nước cho thấy bà Lê Thị Lệ H còn được cấp số BHXH 7511186880, có hưởng chế độ ốm đau tại BHXH huyện T, tỉnh Đồng Nai trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2022.

Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì căn cứ các quy định tại Điều 49, Điều 50 và Điều 51, Mục 4 – Hợp đồng lao động vô hiệu của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14, dựa vào kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, Bảo hiểm xã hội tỉnh sẽ thực hiện điều chỉnh thông tin cá nhân của người tham gia bảo hiểm xã hội trên sổ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Theo tài liệu, chứng cứ của Bảo hiểm xã hội tỉnh A cung cấp thể hiện thì tổng số tiền bảo hiểm xã hội mà bà H (do bà Mỹ T), cùng Xí nghiệp M đóng từ tháng 9/2007 đến tháng 7/2008 là 2.143.278 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết việc lao động và tại phiên họp đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Mỹ T chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người sử dụng lao động) không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết việc lao động: Việc bà Trần Mỹ T mượn hồ sơ mang thông tin của bà Lệ H để giao kết Hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty Cổ phần M là giả mạo thông tin, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân khi giao kết hợp đồng lao động và người ký kết hợp đồng không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994, nên Hợp đồng lao động này vô hiệu toàn bộ.

- Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Trong thời gian ký hợp đồng lao động tại đây bà Trần Mỹ T được đóng bảo hiểm xã hội (Sổ bảo hiểm mang tên bà Lê Thị Lệ H mã số 5007008798) tại Bảo hiểm xã hội tỉnh A. Nay hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ các bên không yêu cầu xử lý hậu quả nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định: hợp đồng lao động giữa bà Lê Thị Lệ H với Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M giao kết và thực hiện tại thành phố L nên

đơn yêu cầu giải quyết việc lao động về “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” của bà Lê Thị Lệ H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[1.2] Quyền yêu cầu: Căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì bà Lê Thị Lệ H là người có tên trên hợp đồng lao động, việc thực hiện hợp đồng lao động ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Vì vậy, bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc lao động về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.3] Về xác định chứng cứ: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người sử dụng lao động) vắng mặt không lý do, không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác lại đối với ý kiến của người yêu cầu là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Tòa án căn cứ vào chứng cứ mà người yêu cầu nộp làm cơ sở giải quyết vụ việc.

[2] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Lệ H:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng lao động: Chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc thể hiện vào tháng 9/2007 bà Trần Mỹ T có sử dụng hồ sơ xin việc mang tên Lê Thị Lệ H để giao kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động là Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M, đến tháng 7/2008 thì bà Lệ H được Xí nghiệp M cho chấm dứt hợp đồng lao động. Xét thấy, vào tháng 9 năm 2007 bà Mỹ T mượn hồ sơ mang thông tin của bà Lệ H để giao kết hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty Cổ phần M, người lao động thực tế là bà Mỹ T, việc này là giả mạo thông tin, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân khi giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 và khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Do đó, Hợp đồng lao động được ký kết tháng 9 năm 2007 đến tháng 7 năm 2008 giữa người lao động bà Lê Thị Lệ H (do bà Trần Mỹ T trực tiếp giao kết, thực hiện) với người sử dụng lao động Chi nhánh Công ty Cổ phần M là vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, xét thấy: Trong thời gian từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 7 năm 2008 bà Mỹ T thực tế đã có thời gian làm việc, cung cấp sức lao động cho người sử dụng lao động Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M, Công ty đã thực hiện trả lương theo sức lao động và đóng tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động là Mỹ T (dưới tên Lệ H). Nay hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, phía Chi nhánh Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M không có ý kiến đối với số tiền bảo hiểm này. Bảo hiểm xã hội tỉnh A xác định sẽ thực hiện điều chỉnh thông tin cá nhân của người tham gia bảo hiểm xã hội trên sổ bảo hiểm xã hội theo quy định, đúng thực tế người lao động. Nên Tòa án không xem xét số tiền bảo hiểm xã hội mà các bên đã thực hiện. Bà Lê Thị Lệ H và bà Trần Mỹ T cũng không yêu cầu xử lý hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, nên Tòa án không xét giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lê Thị Lệ H phải chịu lệ phí việc lao động sơ thẩm theo quy định.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 122 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các Điều 117, 127, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 và khoản 4 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994;
- Khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;
- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Lệ H về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 07 năm 2008 giữa người lao động bà Lê Thị Lệ H (do bà Trần Mỹ T giao kết, thực hiện) với người sử dụng lao động Chi nhánh Công ty Cổ phần M là vô hiệu (Theo sổ BHXH số 5007008798 do Bảo hiểm xã hội tỉnh A cấp).

2. Về lệ phí giải quyết việc lao động: Bà Lê Thị Lệ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002278, ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Lê Thị Lệ H, bà Trần Mỹ T có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Long Xuyên;

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

- Chi cục THADS Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**Lê Thị Hồng Thi**